

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST.

Ngày: 26/3/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Tuyết

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Dương Văn Thoi

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Ong Văn Chúc – Kiểm sát viên.

Trong 26/3/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST- KDTM ngày 05/11/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- KDTM ngày 26/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 418 đường H, khu II, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Quang Ph1 – Chức vụ: Giám đốc

Người nhận ủy quyền lại: Bà Phạm Thị P – Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch N (Có mặt).

***-Bị đơn:*** Anh Phùng Thanh Ph – Sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Phùng Thị H – Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị Ng – sinh năm 1943 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/8/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, tỉnh Bắc Giang và anh Phùng Thanh Ph có ký Hợp đồng tín dụng (viết tắt HĐTD) số 2503LAV201805277 với số tiền cho vay là 500.000.000 đồng, mục đích vay để sử dụng vào mục đích nhu cầu đời sống của gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay có điều chỉnh (tại báo cáo đề xuất giải ngân mức lãi suất là 11%/năm, lãi chậm trả là 10%/năm). Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Phùng Thanh Ph số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 05/12/2019, giữa Ngân hàng và anh Phùng Thanh Ph có ký Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201905000 với số tiền vay là 500.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh sơn xây dựng, thời hạn vay theo báo cáo đề xuất giải ngân là 06 tháng, lãi suất vay là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Phùng Thanh Ph vay 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay của 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết, anh Phùng Thanh Ph đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO507396, số vào sổ cấp GCN:CS03671 do Sở Tài nguyên và môi trường Bắc Giang cấp ngày 27/7/2018, cấp cho anh Phùng Thanh Ph, thửa số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 229,9m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 186,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 43,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với thửa đất: nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đổ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017.

Đến hạn trả nợ, anh Phùng Thanh Ph mới thanh toán trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 80.000.000 đồng.

Tính đến ngày 20/8/2020, anh Phùng Thanh Ph còn nợ Ngân hàng số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201805277 ngày 31/8/2020 là 420.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201905000 ngày 05/12/2019 là 500.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký là 920.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/8/2020 là 73.030.000 đồng.

Trường hợp anh Ph không thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đề nghị được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO507396, số vào sổ cấp GCN:CS03671

do Sở Tài nguyên và môi trường Bắc Giang cấp ngày 27/7/2018, cấp cho anh Phùng Thanh Ph, thửa số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 229,9m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 186,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 43,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với thửa đất: nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đổ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017.

- Bị đơn anh Phùng Thanh Ph trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh sơn và sửa chữa, hoàn thiện nhà ở nên anh có vay vốn của Ngân hàng NN&PTNT huyện V – phòng giao dịch N hai hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201805277 ngày 31/8/2020, số tiền là 500.000.000 đồng, đã trả 80.000.000 tiền gốc, còn nợ là 420.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201905000 ngày 05/12/2019 số tiền là 500.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục vay thì anh đã được Ngân hàng giải ngân đầy đủ gốc và trả lãi theo phân kỳ, lãi trả hàng tháng. Tuy nhiên do việc làm ăn không thuận lợi, không có việc làm do dịch Covid nên không có kinh tế để trả Ngân hàng. Cán bộ Ngân hàng có đến đôn đốc nhưng anh chưa thu xếp được tiền để trả Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18 tại thôn M, xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang, diện tích 229, 9m<sup>2</sup> đã ký hợp đồng thế chấp số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018 với Ngân hàng NN&PTNT huyện V – Phòng Giao dịch N. Anh xác định do anh vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, do vậy Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án anh đồng ý trả nợ gốc là 920.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế của anh hiện tại còn khó khăn, anh đề nghị Ngân hàng cho anh được trả dần. Trường hợp anh không trả được nợ Ngân hàng anh đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng. Do công việc bận không đến Tòa án tham gia tố tụng được anh đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và xét xử.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ng trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh Phùng Thanh Ph. Gia đình bà có thế chấp thửa đất tại tổ dân phố M, thị trấn N để vay vốn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện V để cho anh Ph lấy vốn làm ăn, bà không biết số tiền vay là bao nhiêu. Bà có ký đồng ý cho anh Ph vay tiền lấy vốn làm ăn. Do anh Ph làm ăn không gặp nên chưa thanh toán trả được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện bà đồng ý, trường hợp anh Ph không trả được nợ bà cũng đồng ý bán nhà trả nợ cho anh Ph. Do công việc bận bà Ng đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và xét xử.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phùng Thị H trình bày: Chị xác định gia đình có vay Ngân hàng NN&PTNT huyện V- Phòng giao dịch N số tiền 1.000.000.000 đồng vay năm 2018 và năm 2019, gia đình chị đã trả được 80.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Năm 2020 do dịch bệnh nên gia đình chị gặp nhiều khó khăn nên chưa thanh toán trả Ngân hàng được. Nay Ngân hàng khởi kiện chị đồng ý không có ý kiến gì, chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình chị được thanh toán trả dần cho đến khi hết nợ. Trường hợp không thanh toán được thì đề nghị Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu gia đình anh Ph, cụ thể là anh Ph, chị H và bà Ng phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết do anh Ph đã vi phạm hợp đồng. Tổng số tiền gốc và lãi anh Ph, chị H, bà Ng phải thanh toán trả Ngân hàng tạm tính đến thời điểm ngày 26/3/2021 là 920.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 151.711.817 đồng. Ngoài ra anh Ph, chị H, bà Ng phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế anh Ph, chị H, bà Ng trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Ph, chị H, bà Ng không thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đề nghị được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO507396, sổ vào sổ cấp GCN:CS03671 do Sở Tài nguyên và môi trường Bắc Giang cấp ngày 27/7/2018, cấp cho anh Phùng Thanh Ph, thửa số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 229,9m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 186,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 43,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với thửa đất: nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đồ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được công bố lời khai. Đại diện Ngân hàng không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ng đã chấp hành đúng còn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS.

Điều 463, Điều 299 BLDS 2015

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.  
Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H, bà Đỗ Thị Ng phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc là 920.000.000.000 đồng, số tiền lãi 1517.711.817 đồng tạm tính đến ngày 26/3/2021 và lãi phát sinh sau ngày

26/3/2021 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh Ph, chị H, bà Ng không thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 26/3/2021 là 1.071.711.817 đồng, Ngân hàng được đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO507396, sổ vào sổ cấp GCN:CS03671 do Sở Tài nguyên và môi trường Bắc Giang cấp ngày 27/7/2018, cấp cho anh Phùng Thanh Ph, thửa số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 229,9m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 186,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 43,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với thửa đất: nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đổ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017.

- Về án phí: Anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị Ng.

Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H, bà Đỗ Thị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Anh Ph, bà Ng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ HĐTD số 2503LAV201805277 ngày 31/8/2018, HĐTD số 2503LAV201905000 ngày 05/12/2019, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018 được ký kết giữa Ngân hàng với anh Phùng Thanh Ph thể hiện nội dung Ngân hàng có cho anh Phùng Thanh Ph vay tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh sơn xây dựng và nhu cầu đời sống của gia đình, có thế chấp tài sản bảo đảm nên quan hệ tranh chấp ở đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS 2015 và Điều 463 BLDS 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V với anh Phùng Thanh Ph có địa chỉ tại Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Quá trình thực hiện, anh Phùng Thanh Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng có đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại Điều 30; Điều 35 và Điều 39 BLTTDS 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với anh Ph, chị H, bà Ng, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Đối với hợp đồng tín dụng số 2503LAV201805277 ngày 31/8/2018, bên vay ghi mục đích sử dụng cho nhu cầu đời sống gia đình, nhưng cũng sử dụng vào mục đích kinh doanh nhằm thu lợi nhuận. Đối với HĐTD số 2503LAV201905000 ngày 05/12/2019 bên vay sử dụng vào mục đích kinh doanh nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bên vay với ngân hàng: diện tích đất tại thửa số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 229,9m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 186,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 43,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với thửa đất: nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đổ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017 là tài sản thuộc sở hữu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bên giao kết hợp đồng phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Đối với yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V: Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng yêu cầu anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H, bà Đỗ Thị Ng phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi theo 2 Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201805277 ngày 31/8/2018 và hợp đồng tín dụng số 2503LAV201905000 ngày 05/12/2019 đã ký kết.

Sau khi các Hợp đồng tín dụng được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Phùng Thanh Ph tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Tổng dư nợ gốc đến ngày 26/3/2021 là 920.000.000 đồng, trong đó dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV201805277 là 420.000.000 đồng, dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV201905000 là 500.000.000 đồng. Tổng lãi trong hạn, quá hạn và lãi chậm trả đến ngày 26/3/2021 là 151.711.817 đồng, trong đó lãi theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV201805277 là 66.108.183 đồng, lãi và lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV201905000 là 85.603.634 đồng. Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/3/2021 là 1.071.711.817 đồng. Nay anh Phùng Thanh Ph đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả nợ gốc, lãi đúng hạn.

Theo hợp đồng tín dụng thì người đứng tên vay là anh Ph nhưng đây là khoản vay để gia đình anh Ph sử dụng chung, chị H, bà Ng cũng xác định đây là khoản vay chung của gia đình nên xác định nghĩa vụ trả nợ ngân hàng là của anh Ph, chị H và bà Ng.

Hợp đồng thế chấp của anh Ph với ngân hàng để bảo đảm khoản vay cho anh Ph được các bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu anh Ph, chị H, bà Ng không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Ph, chị H, bà Ng phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc theo 2 hợp đồng tín dụng đã ký là 920.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/3/2021 của 2 hợp đồng tín dụng là 151.711.817 đồng và lãi phát sinh sau ngày 26/3/2021 theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Ph, chị H, bà Ng không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của anh Ph, chị H và bà Ng là 229,9m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 285 tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đổ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017 ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Ph, chị H, bà Ng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng. Hiện anh Ph, chị H, bà Ng đang quản lý, sử dụng các tài sản này.

[5] Về án phí:

-Về án phí: Anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H phải chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm, bà Ng là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS.

- Căn cứ khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H, bà Đỗ Thị Ng phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc là 920.000.000 đồng, số tiền lãi 151.711.817 đồng tạm tính đến ngày 26/3/2021 và lãi phát sinh sau ngày 26/3/2021 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh Ph, chị H, bà Ng không thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 26/3/2021 là 1.071.711.817 đồng, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133L2018/HĐTCHN ngày 31/8/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO507396, sổ vào sổ cấp GCN:CS03671 do Sở Tài nguyên và môi trường Bắc Giang cấp ngày 27/7/2018, cấp cho anh Phùng Thanh Ph, thửa số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 229,9m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 186,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 43,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với thửa đất: nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 110 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 330m<sup>2</sup>, kết cấu nhà tường gạch, trần đổ bê tông cốt thép, thời điểm xây dựng năm 2017.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Ph, chị H, bà Ng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

2. Về án phí: Anh Phùng Thanh Ph, chị Phùng Thị H, bà Đỗ Thị Ng phải chịu 44.151.330 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể anh Ph, chị H phải chịu 29.434.220 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Ng được miễn 14.717.110 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V số tiền tạm ứng án phí 20.895.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0001413 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh



toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên(2 b);
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Đã ký**

**Đỗ Thị Tuyết**